

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỸ XUYỀN
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 11-5-2022

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ XUYỀN, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mến.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Anh Đức;

Ông Ngô Văn Cơ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Hải – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện Mỹ Xuyên tham gia phiên tòa: Ông Đoàn Văn Khải - Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 204/2021/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 35/2022/QĐST-HNGĐ ngày 22/4/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Võ Thị Ngọc Kh, sinh năm 1988 (vắng mặt).

Địa chỉ: xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

- Bị đơn: Ông Trần Văn V, sinh năm 1985 (vắng mặt).

Địa chỉ: xã N, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện về việc ly hôn ngày 14 tháng 12 năm 2021 của bà Võ Thị Ngọc Kh thể hiện:

Bà Kh và ông V kết hôn năm 2011, và có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện M vào ngày 21/11/2011. Sau khi cưới, bà Kh và ông V chung sống hạnh phúc được 07 năm. Đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn do ông V không chăm lo cho gia đình, dẫn đến đời sống chung không thể hòa hợp, hôn nhân không có hạnh phúc. Nay bà Võ Thị Ngọc Kh yêu cầu được ly hôn với ông Trần Văn V.

Về con chung: Thời gian chung sống bà Kh và ông V có hai con chung tên Trần Ngọc Diễm Q, sinh ngày 02/12/2011 và Trần Ngọc Diễm H, sinh ngày

05/7/2014 hiện hai con đang ở cùng bà Kh. Khi ly hôn, bà Kh yêu cầu được quyền nuôi hai con chung, không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Đối với bị đơn ông Trần Văn V:* Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự, nhưng ông Trần Văn V vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, cũng không nộp văn bản thể hiện ý kiến cho Tòa án.

- *Tại tờ tường trình ngày 22/3/2022, con chung Trần Ngọc Diễm H và Trần Ngọc Diễm Q trình bày:* Khi cha mẹ các cháu ly hôn không còn chung sống với nhau, các cháu có nguyện vọng sống với mẹ là bà Võ Thị Ngọc Kh.

- *Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:*

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình thụ lý, xét xử vụ án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; còn đối với bị đơn chưa chấp hành đúng quy định pháp luật do vắng mặt, không có lý do tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải.

Bà Võ Thị Ngọc Kh và ông Trần Văn V đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng bà Kh, ông V vắng mặt, bà Kh có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, ông V vắng mặt không có lý do nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bà Võ Thị Ngọc Kh và ông Trần Văn V.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên xử bà Võ Thị Ngọc Kh được ly hôn với ông Trần Văn V. Về con chung: Đề nghị giao hai con chung Trần Ngọc Diễm Q, sinh ngày 02/12/2011 và Trần Ngọc Diễm H, sinh ngày 05/7/2014 cho bà Võ Thị Ngọc Kh được quyền trực tiếp nuôi đến khi hai con chung đủ 18 tuổi. Ông V được quyền thăm nom hai con chung không ai được quyền cản trở. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Võ Thị Ngọc Kh không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét; Về tài sản chung, nợ chung: Không có yêu cầu gì nên đề nghị không xem xét và đề nghị tuyên án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Võ Thị Ngọc Kh và ông Trần Văn V đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm đến lần thứ hai nhưng bà Kh, ông V vắng mặt, bà Kh có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, ông V vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bà Võ Thị Ngọc Kh và ông Trần Văn V.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị Ngọc Kh và ông Trần Văn V tự nguyện kết hôn, được UBND xã N, huyện M, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn số 130, quyển số 01 ngày 21/11/2011 nên quan hệ hôn nhân giữa bà Võ Thị Ngọc Kh và ông Trần Văn V là hôn nhân hợp pháp.

Theo đơn khởi kiện bà Kh yêu cầu ly hôn do vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, ông Kh không chăm lo cho gia đình. Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân giữa bà Kh và ông V đã phát sinh mâu thuẫn từ năm 2018 nhưng đến nay không hàn gắn được, cho thấy cuộc sống hôn nhân của bà Kh và ông V đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Võ Thị Ngọc Kh.

[3] Về con chung: Bà Kh và ông V có hai con chung là Trần Ngọc Diễm Q, sinh ngày 02/12/2011 và Trần Ngọc Diễm H, sinh ngày 05/7/2014. Khi ly hôn bà Kh yêu cầu được quyền nuôi hai con, cháu Diễm Q và Diễm H cũng có nguyện vọng sống với mẹ. Do đó, căn cứ theo nguyện vọng của các con chung và yêu cầu của bà Kh, Hội đồng xét xử thống nhất giao hai con chung là Trần Ngọc Diễm Q, sinh ngày 02/12/2011 và Trần Ngọc Diễm H, sinh ngày 05/7/2014 cho bà Kh trực tiếp nuôi dưỡng theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình là phù hợp, đảm bảo quyền lợi và sự phát triển mọi mặt của con chung.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Võ Thị Ngọc Kh không có yêu cầu gì về việc cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí sơ thẩm căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; bà Võ Thị Ngọc Kh phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Khoản 4 điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị Ngọc Kh được ly hôn với ông Trần Văn V.
2. Về con chung: Giao cho bà Võ Thị Ngọc Kh được quyền trực tiếp nuôi hai con chung hai con chung là Trần Ngọc Diễm Q, sinh ngày 02/12/2011 và Trần Ngọc Diễm H, sinh ngày 05/7/2014 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Ông Trần Văn V được quyền thăm nom hai con chung không ai được quyền cản trở.
3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Võ Thị Ngọc Kh không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.
4. Về tài sản chung, nợ chung: Không có yêu cầu nên không xem xét.
5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Võ Thị Ngọc Kh phải chịu là 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí bà đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009823 ngày 21/12/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên. Bà Võ Thị Ngọc Kh đã nộp xong.
6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.
7. Về việc thi hành án: Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Mỹ Xuyên;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục T.H.A DS huyện Mỹ Xuyên;
- UBND xã N (Theo GCNKH số 130 ngày 21/11/2011;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Mến